

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Về việc nâng lương công chức, viên chức năm 2001

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 30-3-1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Nghị định số 25/CP ngày 23-5-1993 của Chính phủ qui định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp và lực lượng vũ trang;
- Căn cứ Thông tư số 04/1999/TT-TCCP ngày 20-3-1999 của Ban Tổ chức-Cán bộ Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 95/1998/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 45/TCCP-BCTL ngày 11-3-1996 của Ban Tổ chức-Cán bộ Chính phủ hướng dẫn chế độ nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức, viên chức khu vực hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể;
- Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Tổ chức-Cán bộ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nâng bậc lương cho 236 công chức thuộc trường Đại học Nông nghiệp I (Có danh sách kèm theo)

Điều 2: Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức-Cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Tài chính, Hiệu trưởng trường Đại học Nông nghiệp I và các công chức có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

KT/ **BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
THỦ TRƯỞNG



Nơi nhận:

- Như điều 2.
- Lưu VP, TCCB.

Lê Vũ Hùng

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ NÂNG BẬC LƯƠNG NĂM 2001 CỦA CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC

- Tổng số cán bộ, công chức có mặt tại thời điểm báo cáo: 835 người

- Trong đó số cán bộ công chức được nâng bậc lương: 236 người

(Kèm theo Quyết định số 7022 /QĐ-BGD&ĐT-TCCB, ngày 18 tháng 12 năm 2001)

Số TT	Họ và tên		Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Hệ số mức lương đang hưởng				Mã ngạch	Hệ số mức lương	Chênh lệch về HSML do nâng bậc	Số tháng được hưởng bậc lương mới	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã ngạch	Hệ số mức lương	Tháng, năm được hưởng	Chênh lệch bảo lưu (nếu có)						
A	B		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9-5	11	12=10x11x 210000	13
1	Phạm Quyết	Chiến	23/04/48		Đại học	01.002	3.91	10/1998		01.002	4.19	0.28	3	176,400	
2	Nguyễn Viết	Hải	25/07/50		Thạc sỹ	01.002	3.91	12/1998		01.002	4.19	0.28	1	58,800	
3	Nguyễn Văn	Bốp	20/10/44		Đại học	01.003	3.81	12/1998		01.003	4.06	0.25	1	52,500	
4	Nguyễn Hữu	Mấn	03/10/45		Đại học	01.003	3.56	12/1998		01.003	3.81	0.25	1	52,500	
5	Nguyễn Xuân	Mùi	12/10/45		Đại học	01.003	3.56	10/1998		01.003	3.81	0.25	3	157,500	
6	Nguyễn Duy	Thanh	12/08/52		Đại học	01.003	3.56	12/1998		01.003	3.81	0.25	1	52,500	
7	Nguyễn Minh	Tiến	29/04/57		Đại học	01.003	3.56	10/1998		01.003	3.81	0.25	3	157,500	
8	Hoàng Văn	Sỹ	27/07/57		Đại học	01.003	3.56	12/1998		01.003	3.81	0.25	1	52,500	
9	Trịnh Đăng	Lạc	08/02/52		T.Cấp	01.003	3.31	12/1998		01.003	3.56	0.25	1	52,500	
10	Mai Văn	Tư	15/06/48		Đại học	01.003	3.06	12/1998		01.003	3.31	0.25	1	52,500	
11	Nguyễn Doãn	Quỳnh	26/03/54		Đại học	01.003	3.06	10/1998		01.003	3.31	0.25	3	157,500	
12	Dương Chí	Dũng	16/12/57		Thạc sỹ	01.003	3.06	12/1998		01.003	3.31	0.25	1	52,500	
13	Đỗ Huy	Thục	29/12/50		Đại học	01.003	2.82	12/1998		01.003	3.06	0.24	1	50,400	
14	Chu Tuấn	Quyết	05/10/56		Đại học	01.003	2.82	12/1998		01.003	3.06	0.24	1	50,400	
15	Võ Kim	Oanh		14/05/59	Thạc sỹ	01.003	2.82	10/1998		01.003	3.06	0.24	3	151,200	
16	Hoàng Ngọc	Huyền		16/03/63	Đại học	01.003	2.58	10/1998		01.003	2.82	0.24	3	151,200	

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9-5	11	12=10x11x 210000	13
17	Lê Huỳnh Thanh Phương		26/01/67	Tiến sỹ	01.003	2.34	11/1998		01.003	2.58	0.24	2	100,800	
18	Đinh Thị Vân		25/12/56	Đại học	01.004	2.81	09/1999		01.004	2.94	0.13	4	109,200	
19	Nguyễn Thị Hà Nam		05/11/73	CN-SơCấp	01.006	1.71	09/1999		01.006	1.80	0.09	4	75,600	
20	Phạm Văn Học	21/10/47		CN-SơCấp	01.007	3.14	09/1999		01.007	3.27	0.13	4	109,200	
21	Nguyễn Thị Hương		10/11/51	CN-SơCấp	01.007	3.14	12/1999		01.007	3.27	0.13	1	27,300	
22	Đào Duy Thứ	08/02/48		CN-SơCấp	01.007	2.88	12/1999		01.007	3.01	0.13	1	27,300	
23	Cáp Sĩ Việt	01/05/51		CN-SơCấp	01.007	2.88	12/1999		01.007	3.01	0.13	1	27,300	
24	Đặng Thị Dự		17/05/52	CN-SơCấp	01.007	2.88	09/1999		01.007	3.01	0.13	4	109,200	
25	Nguyễn Huy Huân	22/01/48		CN-SơCấp	01.007	2.75	12/1999		01.007	2.88	0.13	1	27,300	
26	Tạ Ngọc Phóng	27/04/50		CN-SơCấp	01.007	2.75	12/1999		01.007	2.88	0.13	1	27,300	
27	Nguyễn Văn Bản	01/01/53		CN-SơCấp	01.007	2.75	09/1999		01.007	2.88	0.13	4	109,200	
28	Nguyễn Hồng Lạng	20/08/54		CN-SơCấp	01.007	2.75	12/1999		01.007	2.88	0.13	1	27,300	
29	Bùi Đình Phiêu	23/02/55		CN-SơCấp	01.007	2.75	12/1999		01.007	2.88	0.13	1	27,300	
30	Nguyễn Tất Tố	09/03/55		CN-SơCấp	01.007	2.75	12/1999		01.007	2.88	0.13	1	27,300	
31	Cao Văn Tấn	13/05/55		CN-SơCấp	01.007	2.75	12/1999		01.007	2.88	0.13	1	27,300	
32	Bùi Văn Gấm	26/07/56		CN-SơCấp	01.007	2.75	12/1999		01.007	2.88	0.13	1	27,300	
33	Đỗ Văn Đại	02/10/57		CN-SơCấp	01.007	2.75	12/1999		01.007	2.88	0.13	1	27,300	
34	Phan Viết Đông	20/10/57		Đại học	01.007	2.75	12/1999		01.007	2.88	0.13	1	27,300	
35	Vũ Thị Phan		30/11/57	CN-SơCấp	01.007	2.75	12/1999		01.007	2.88	0.13	1	27,300	
36	Lê Thị Diện		05/01/60	CN-SơCấp	01.007	2.75	12/1999		01.007	2.88	0.13	1	27,300	
37	Lê Thị Hồng		14/07/52	CN-SơCấp	01.007	2.75	12/1999		01.007	2.88	0.13	1	27,300	
38	Phạm Thị Hồng Nhung		15/01/61	CN-SơCấp	01.007	2.75	12/1999		01.007	2.88	0.13	1	27,300	
39	Ngô Xuân Bắc	01/09/54		CN-SơCấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	
40	Đào Trọng Thắng	02/01/56		CN-SơCấp	01.007	2.62	09/1999		01.007	2.75	0.13	4	109,200	
41	Nguyễn Văn Vế	08/07/57		CN-SơCấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	
42	Nguyễn Tô Vũ	01/01/60		Đại học	01.007	2.62	11/1999		01.007	2.75	0.13	2	54,600	
43	Nguyễn Thị Bích Hạnh		19/01/63	CN-SơCấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9-5	11	12=10x11x 210000	13
44	Nguyễn Thị Mai Hoa		29/07/57	CN-SơCấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	
45	Nguyễn Thị Thục		29/01/51	CN-SơCấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	
46	Hoàng Thị Thanh Xuân		20/02/58	CN-SơCấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	
47	Nguyễn Thị Việt Anh		15/01/60	CN-SơCấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	
48	Nguyễn Thị Hòa		10/04/58	CN-SơCấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	
49	Nguyễn Thị Lý H		28/08/60	CN-SơCấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	
50	Nguyễn Thị Lý N		18/01/60	CN-SơCấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	
51	Lê Thị Minh		22/02/62	CN-SơCấp	01.007	2.62	09/1999		01.007	2.75	0.13	4	109,200	
52	Nguyễn Thị Mưa		02/09/52	T.Cấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	
53	Trần Thị Nga		29/05/59	CN-SơCấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	
54	Phùng Kim Thoa		20/10/60	CN-SơCấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	
55	Nguyễn Hồng Thúy A		06/11/62	CN-SơCấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	
56	Lưu Thị Túy		21/01/59	CN-SơCấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	
57	Trần Thị Vân		28/09/59	CN-SơCấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	
58	Nguyễn Thị Xuyên		20/01/59	CN-SơCấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	
59	Phạm Thị Tâm		15/05/52	CN-SơCấp	01.007	2.62	12/1999		01.007	2.75	0.13	1	27,300	
60	Nguyễn Văn Duy	04/09/56		CN-SơCấp	01.007	2.49	09/1999		01.007	2.62	0.13	4	109,200	
61	Vũ Hồng Châu	08/10/57		CN-SơCấp	01.007	2.49	12/1999		01.007	2.62	0.13	1	27,300	
62	Nguyễn Văn Hành	07/09/60		CN-SơCấp	01.007	2.49	12/1999		01.007	2.62	0.13	1	27,300	
63	Nguyễn Văn Lơ	18/01/61		T.Cấp	01.007	2.49	11/1999		01.007	2.62	0.13	2	54,600	
64	Hoàng Ngọc Lâm	31/10/61		CN-SơCấp	01.007	2.49	12/1999		01.007	2.62	0.13	1	27,300	
65	Nguyễn Ninh Thành	17/04/62		CN-SơCấp	01.007	2.49	12/1999		01.007	2.62	0.13	1	27,300	
66	Nguyễn Thị Chua		26/08/58	CN-SơCấp	01.007	2.49	12/1998		01.007	2.62	0.13	1	27,300	
67	Lê Đức Hùng	23/07/59		CN-SơCấp	01.007	2.36	12/1999		01.007	2.49	0.13	1	27,300	
68	Nguyễn Năng Bình	20/10/59		CN-SơCấp	01.007	2.36	11/1999		01.007	2.49	0.13	2	54,600	
69	Nguyễn Bá Minh	20/01/60		CN-SơCấp	01.007	2.36	12/1999		01.007	2.49	0.13	1	27,300	
70	Hoàng Sơn	12/01/62		CN-SơCấp	01.007	2.36	12/1999		01.007	2.49	0.13	1	27,300	

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9-5	11	12=10x11x 210000	13
71	Nguyễn Đăng Thắng	20/04/62		CN-SơCấp	01.007	2.36	12/1999		01.007	2.49	0.13	1	27,300	
72	Nguyễn Văn Thắng	12/07/62		CN-SơCấp	01.007	2.36	12/1999		01.007	2.49	0.13	1	27,300	
73	Hồ Thị Hồng Lan		07/02/61	Đại học	01.007	2.36	12/1999		01.007	2.49	0.13	1	27,300	
✓ 74	Nguyễn Thị Hồng Sa		07/02/60	CN-SơCấp	01.007	2.36	12/1996		01.007	2.49	0.13	1	27,300	
75	Lê Thị Bích Liên		02/09/61	CN-SơCấp	01.007	2.36	09/1999		01.007	2.49	0.13	4	109,200	
76	Hồ Bắc Sơn	13/06/56		CN-SơCấp	01.007	2.24	12/1999		01.007	2.36	0.12	1	25,200	
77	Vũ Kim Hoa		09/05/60	CN-SơCấp	01.007	2.24	12/1999		01.007	2.36	0.12	1	25,200	
✓ 78	Chu Thị Thanh Hải		30/08/63	CN-SơCấp	01.007	2.24	09/1996		01.007	2.36	0.12	4	100,800	
79	Nguyễn Thị Bạch Yến		03/09/60	CN-SơCấp	01.007	2.24	09/1999		01.007	2.36	0.12	4	100,800	
✗ 80	Trần Thế Hùng	16/10/64		CN-SơCấp	01.007	2.12	12/1998		01.007	2.24	0.12	1	25,200	
81	Vũ Thị Dân		18/12/69	Đại học	01.007	2.12	09/1999		01.007	2.24	0.12	4	100,800	
82	Trần Thị Huệ		11/01/65	CN-SơCấp	01.007	2.12	12/1999		01.007	2.24	0.12	1	25,200	
83	Phạm Thị Bình		15/07/55	CN-SơCấp	01.008	2.39	12/1999		01.008	2.48	0.09	1	18,900	
84	Nguyễn Thị Khánh		23/10/60	CN-SơCấp	01.008	2.30	12/1999		01.008	2.39	0.09	1	18,900	
85	Nguyễn Thị Khanh		26/06/60	CN-SơCấp	01.008	2.21	12/1999		01.008	2.30	0.09	1	18,900	
86	Nguyễn Thị Minh		10/10/66	CN-SơCấp	01.008	1.76	09/1999		01.008	1.85	0.09	4	75,600	
87	Nguyễn Thị Hoài Hương		12/03/69	Đại học	01.008	1.40	09/1999		01.008	1.49	0.09	4	75,600	
88	Bùi Thị Kim Vân		22/08/69	Đại học	01.008	1.22	09/1999		01.008	1.31	0.09	4	75,600	
89	Nguyễn Công Trứ	11/01/44		CN-SơCấp	01.010	3.13	09/1999		01.010	3.24	0.11	4	92,400	
90	Trần Văn Hải	26/07/58		CN-SơCấp	01.010	2.91	09/1999		01.010	3.02	0.11	4	92,400	
91	Lê Minh Thao	20/11/48		CN-SơCấp	01.010	2.69	09/1999		01.010	2.80	0.11	4	92,400	
92	Bùi Trung Lương	27/11/60		CN-SơCấp	01.010	2.69	12/1999		01.010	2.80	0.11	1	23,100	
93	Phùng Xuân Ngà	05/01/53		KhôngBCấp	01.011	2.43	12/1999		01.011	2.52	0.09	1	18,900	
94	Hoàng Văn Việt	30/10/55		CN-SơCấp	01.011	2.34	12/1999		01.011	2.43	0.09	1	18,900	
95	Nguyễn Huy Biếm	06/03/57		KhôngBCấp	01.011	2.34	12/1999		01.011	2.43	0.09	1	18,900	
96	Nguyễn Đức Năng	05/10/61		KhôngBCấp	01.011	2.34	09/1999		01.011	2.43	0.09	4	75,600	
97	Đặng Quang ứng	10/06/60		KhôngBCấp	01.011	2.25	11/1999		01.011	2.34	0.09	2	37,800	

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9-5	11	12=10x11x 210000	13
98	Nguyễn Việt Thên	10/10/58		KhôngBCấp	01.011	2.16	10/1999		01.011	2.25	0.09	3	56,700	
99	Bùi Trung Sơn	25/02/64		CN-SơCấp	01.011	2.16	07/1999		01.011	2.25	0.09	6	113,400	
100	Vũ Đình Tâm	13/06/64		Đại học	01.011	2.16	07/1999		01.011	2.25	0.09	6	113,400	
101	Nguyễn Quang Phong	20/10/63		KhôngBCấp	01.011	2.07	12/1999		01.011	2.16	0.09	1	18,900	
102	Lưu Quang Hồng	10/09/64		KhôngBCấp	01.011	1.71	07/1999		01.011	1.80	0.09	6	113,400	
103	Dương Thị Thường		06/06/60	Đại học	02.015	2.42	11/1999		02.015	2.55	0.13	2	54,600	
104	Ngô Văn Trăm	20/10/52		Thạc sỹ	06.031	2.98	12/1998		06.031	3.23	0.25	1	52,500	
105	Đào Thị Báu		15/10/56	T.Cấp	06.032	2.42	12/1999		06.032	2.55	0.13	1	27,300	
106	Phan Thị Hồng Hà		31/12/55	T.Cấp	06.032	2.42	12/1999		06.032	2.55	0.13	1	27,300	
107	Đoàn Thị Hằng		08/04/47	Đại học	13.095	3.73	12/1998		13.095	3.98	0.25	1	52,500	
108	Nguyễn Văn Trung	13/01/49		Đại học	13.095	2.98	12/1998		13.095	3.23	0.25	1	52,500	
109	Đỗ Văn Khoáng	25/06/53		Đại học	13.095	2.98	12/1998		13.095	3.23	0.25	1	52,500	
110	Ngô Thị Hằng		13/05/49	Đại học	13.095	2.98	12/1998		13.095	3.23	0.25	1	52,500	
111	Phạm Thị Lua		12/09/47	Đại học	13.095	2.98	10/1998		13.095	3.23	0.25	3	157,500	
112	Phạm Thị Minh D		23/08/46	Đại học	13.095	2.98	09/1998		13.095	3.23	0.25	4	210,000	
113	Phạm Thị Nhâm		02/05/48	Đại học	13.095	2.98	10/1998		13.095	3.23	0.25	3	157,500	
114	Lê Thị Hảo		10/12/54	Thạc sỹ	13.095	2.98	12/1998		13.095	3.23	0.25	1	52,500	
115	Phạm Thị Khánh		01/01/55	Đại học	13.095	2.98	12/1998		13.095	3.23	0.25	1	52,500	
116	Phạm Thị Tinh		23/01/47	Đại học	13.095	2.98	12/1998		13.095	3.23	0.25	1	52,500	
117	Nguyễn Thị Luyện		30/06/58	Đại học	13.095	2.98	09/1998		13.095	3.23	0.25	4	210,000	
118	Nguyễn Thị Kim Thoa		01/01/58	Đại học	13.095	2.50	12/1998		13.095	2.74	0.24	1	50,400	
119	Đặng Văn Truyền	01/01/52		T.Cấp	13.096	2.94	09/1999		13.096	3.07	0.13	4	109,200	
120	Nguyễn Thị Nhã		03/03/49	T.Cấp	13.096	2.94	12/1999		13.096	3.07	0.13	1	27,300	
121	Lê Thị Lan		09/11/50	T.Cấp	13.096	2.68	11/1999		13.096	2.81	0.13	2	54,600	
122	Dương Thị Kim Quy		17/10/54	T.Cấp	13.096	2.68	11/1999		13.096	2.81	0.13	2	54,600	
123	Nguyễn Thị Hằng Nga		29/09/66	Đại học	13.096	2.06	11/1999		13.096	2.18	0.12	2	50,400	
124	Lê Thị Thắm		10/01/62	Đại học	13.096	1.82	01/1999		13.096	1.94	0.12	12	302,400	

A	B		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9-5	11	12=10x11x 210000	13
125	Vũ Duy	Giảng	29/03/40		Tiến sỹ	15.109	5.85	12/1998		15.109	6.26	0.41	1	86,100	
126	Nguyễn Viết	Tùng	12/07/41		Tiến sỹ	15.109	5.85	12/1998		15.109	6.26	0.41	1	86,100	
127	Tô Dũng	Tiến	28/02/41		Tiến sỹ	15.109	5.23	12/1998		15.109	5.54	0.31	1	65,100	
128	Vũ Triệu	Mân	23/12/43		Tiến sỹ	15.109	5.23	12/1998		15.109	5.54	0.31	1	65,100	
129	Phạm Hồng	Anh	10/12/41		Tiến sỹ	15.110	5.31	12/1998		15.110	5.60	0.29	1	60,900	
130	Nguyễn Khắc	Tuấn	10/01/42		Tiến sỹ	15.110	5.31	12/1998		15.110	5.60	0.29	1	60,900	
131	Phạm Văn	Côn	15/01/42		Tiến sỹ	15.110	5.31	10/1998		15.110	5.60	0.29	3	182,700	
132	Nguyễn Văn	Bình	10/10/42		Tiến sỹ	15.110	5.31	10/1998		15.110	5.60	0.29	3	182,700	
133	Nguyễn Quang	Thạch	16/11/43		Tiến sỹ	15.110	5.31	12/1998		15.110	5.60	0.29	1	60,900	
134	Phạm Ngọc	Dũng	08/01/42		Tiến sỹ	15.110	4.75	10/1998		15.110	5.03	0.28	3	176,400	
135	Lê	Thính	20/10/42		Thạc sỹ	15.110	4.75	12/1998		15.110	5.03	0.28	1	58,800	
136	Hoàng Ngọc	Thuận	20/05/44		Tiến sỹ	15.110	4.75	10/1998		15.110	5.03	0.28	3	176,400	
137	Nguyễn Như	Bảo	08/08/44		Đại học	15.110	4.75	10/1998		15.110	5.03	0.28	3	176,400	
138	Nguyễn Thế	Côn	21/05/45		Tiến sỹ	15.110	4.75	10/1998		15.110	5.03	0.28	3	176,400	
139	Nguyễn Đức	Quý	11/11/45		Tiến sỹ	15.110	4.75	10/1998		15.110	5.03	0.28	3	176,400	
140	Phạm Văn	Phê	25/12/45		Tiến sỹ	15.110	4.75	10/1998		15.110	5.03	0.28	3	176,400	
141	Phạm Văn	Đình	23/02/46		Tiến sỹ	15.110	4.75	12/1998		15.110	5.03	0.28	1	58,800	
142	Nguyễn Thị	Văn		08/11/46	Tiến sỹ	15.110	4.75	10/1998		15.110	5.03	0.28	3	176,400	
143	Đỗ Mộng	Ngọc	09/07/43		Đại học	15.110	4.19	12/1998		15.110	4.47	0.28	1	58,800	
144	Nguyễn Mộng	Kiểu	12/09/44		Thạc sỹ	15.110	4.19	12/1998		15.110	4.47	0.28	1	58,800	
145	Nguyễn Văn	Quý	18/04/45		Đại học	15.110	4.19	12/1998		15.110	4.47	0.28	1	58,800	
146	Nguyễn Văn	Long	20/07/46		Tiến sỹ	15.110	4.19	12/1998		15.110	4.47	0.28	1	58,800	
147	Phạm Ngọc	Thụy	26/12/46		Tiến sỹ	15.110	4.19	12/1998		15.110	4.47	0.28	1	58,800	
148	Trần Văn	Chiến	05/03/47		Đại học	15.110	4.19	10/1998		15.110	4.47	0.28	3	176,400	
149	Vũ Kim	Bảng	06/08/47		Thạc sỹ	15.110	4.19	12/1998		15.110	4.47	0.28	1	58,800	
150	Dương Xuân	Thành	20/01/48		Tiến sỹ	15.110	4.19	12/1998		15.110	4.47	0.28	1	58,800	
151	Đình Văn	Hùng	26/01/48		Tiến sỹ	15.110	4.19	12/1998		15.110	4.47	0.28	1	58,800	

A	B		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9-5	11	12=10x11x 210000	13
152	Trần Tiến	Dũng	20/09/48		Tiến sỹ	15.110	4.19	12/1998		15.110	4.47	0.28	1	58,800	
153	Lê Đức	Vinh	03/01/51		Thạc sỹ	15.110	4.19	12/1998		15.110	4.47	0.28	1	58,800	
154	Nguyễn Trường	Sơn	03/07/52		Tiến sỹ	15.110	4.19	12/1998		15.110	4.47	0.28	1	58,800	
155	Phạm Thị Mỹ	Dung		20/10/48	Tiến sỹ	15.110	4.19	12/1998		15.110	4.47	0.28	1	58,800	
156	Ngô Thị	Thục		23/04/49	Thạc sỹ	15.110	4.19	12/1998		15.110	4.47	0.28	1	58,800	
157	Nông Văn	Vin	26/11/47		Tiến sỹ	15.110	3.91	12/1998		15.110	4.19	0.28	1	58,800	
158	Nguyễn Xuân	Tin	19/09/48		Thạc sỹ	15.110	3.91	12/1998		15.110	4.19	0.28	1	58,800	
159	Trương	Quang	01/10/48		Tiến sỹ	15.110	3.91	12/1998		15.110	4.19	0.28	1	58,800	
160	Nguyễn Văn	Hoan	05/02/50		Tiến sỹ	15.110	3.91	12/1998		15.110	4.19	0.28	1	58,800	
161	Trần Đình	Chiến	20/09/50		Thạc sỹ	15.110	3.91	12/1998		15.110	4.19	0.28	1	58,800	
162	Phạm Văn	Tự	12/10/50		Tiến sỹ	15.110	3.91	10/1998		15.110	4.19	0.28	3	176,400	
163	Lê Văn	Ban	20/12/50		Đại học	15.110	3.91	12/1998		15.110	4.19	0.28	1	58,800	
164	Đoàn Văn	Điểm	12/04/51		Tiến sỹ	15.110	3.91	12/1998		15.110	4.19	0.28	1	58,800	
165	Đào Quang	Kế	01/01/52		Tiến sỹ	15.110	3.91	12/1998		15.110	4.19	0.28	1	58,800	
166	Nguyễn Viết	Lầu	05/08/52		Thạc sỹ	15.110	3.91	12/1998		15.110	4.19	0.28	1	58,800	
167	Nguyễn Phúc	Thọ	06/09/52		Thạc sỹ	15.110	3.91	12/1998		15.110	4.19	0.28	1	58,800	
168	Dương Mạnh	Đức	01/12/52		Thạc sỹ	15.110	3.91	12/1998		15.110	4.19	0.28	1	58,800	
169	Trần Văn	Đức	01/03/53		Tiến sỹ	15.110	3.91	12/1998		15.110	4.19	0.28	1	58,800	
170	Trần Tuấn	Hiệp	05/03/53		Thạc sỹ	15.110	3.91	12/1998		15.110	4.19	0.28	1	58,800	
171	Bùi Hải	Triều	13/05/53		Tiến sỹ	15.110	3.91	12/1998		15.110	4.19	0.28	1	58,800	
172	Đinh Văn	Chỉnh	09/10/54		Tiến sỹ	15.110	3.91	12/1998		15.110	4.19	0.28	1	58,800	
173	Nguyễn Văn	Kiểm	16/08/49		Tiến sỹ	15.110	3.35	10/1998		15.110	3.63	0.28	3	176,400	
174	Lương Đức	Thăng	29/11/49		Thạc sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
175	Vũ Quang	Sáng	20/08/50		Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
176	Bùi Bằng	Đoàn	20/01/51		Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
177	Nguyễn Xuân	Thành	01/08/51		Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
178	Nguyễn Xuân	Tiến	21/02/52		Thạc sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9-5	11	12=10x11x 210000	13
179	Nguyễn Văn YẾN	05/06/52		Thạc sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
180	Trần Văn ĐÍCH	22/10/52		Tiến sỹ	15.110	3.35	05/1998		15.110	3.63	0.28	8	470,400	
181	Đinh Văn ĐÂN	10/11/52		Đại học	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
182	Hoàng Thanh	10/03/53		Đại học	15.110	3.35	10/1998		15.110	3.63	0.28	3	176,400	
183	Phạm Tiến DŨNG	03/05/53		Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
184	Trần Đức Viên	05/02/54		Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
185	Nguyễn Văn Viên	05/04/54		Tiến sỹ	15.110	3.35	10/1998		15.110	3.63	0.28	3	176,400	
186	Trần Như Khuyên	01/06/54		Tiến sỹ	15.110	3.35	10/1998		15.110	3.63	0.28	3	176,400	
187	Nguyễn Văn Thanh	24/07/54		Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
188	Nguyễn Hữu Nam	25/01/55		Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
189	Đặng Tiến Hòa	10/03/55		Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
190	Nguyễn Như Hà	13/03/55		Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
191	Nguyễn Văn Dung	12/05/55		Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
192	Vũ Đình Chính	26/11/55		Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
193	Đỗ Nguyên Hải	19/02/56		Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
194	Chu Đức Thắng	15/09/56		Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
195	Trần Huy Sùng	30/06/57		Thạc sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
196	Nguyễn Bắc Tuấn	20/07/57		Đại học	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
197	Trần Văn Tác	29/07/57		Thạc sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
198	Bùi Thị Điểm		10/01/56	Thạc sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
199	Ngô Thị Bích Hào		19/02/56	Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
200	Nguyễn Thị Tâm		04/04/52	Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
201	Vũ Thị Phương Thụy		01/09/57	Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
202	Nguyễn Thị Lan		24/04/52	Tiến sỹ	15.110	3.35	04/1998		15.110	3.63	0.28	9	529,200	*
203	Đoàn Thị Liên		05/09/55	Thạc sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
204	Nguyễn Thị Việt Nga		16/01/54	Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
205	Nguyễn Thị Kim Oanh		14/10/55	Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9-5	11	12=10x11x 210000	13
206	Nguyễn Thị Kim Thanh		25/05/57	Tiến sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
207	Phạm Thị Minh Trường		03/07/51	Thạc sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
208	Nguyễn Thị Thư		27/06/57	Thạc sỹ	15.110	3.35	12/1998		15.110	3.63	0.28	1	58,800	
209	Nguyễn Hữu Báu	15/07/51		Đại học	15.111	3.87	12/1998		15.111	4.12	0.25	1	52,500	
210	Nguyễn Thị The		02/02/52	Đại học	15.111	3.87	12/1998		15.111	4.12	0.25	1	52,500	
211	Đỗ Thế Bảo	06/09/52		Đại học	15.111	3.37	09/1998		15.111	3.62	0.25	4	210,000	
212	Bùi Trọng Thủy	24/04/53		Đại học	15.111	3.37	10/1998		15.111	3.62	0.25	3	157,500	
213	Nguyễn Văn Thọ	07/06/54		Đại học	15.111	3.37	12/1998		15.111	3.62	0.25	1	52,500	
214	Nguyễn Văn Đức	18/06/54		Thạc sỹ	15.111	3.37	12/1998		15.111	3.62	0.25	1	52,500	
215	Phạm Thị Kim Phú		27/02/54	Đại học	15.111	3.37	09/1998		15.111	3.62	0.25	4	210,000	
216	Nguyễn Khắc Thông	23/08/59		Đại học	15.111	3.12	05/1998		15.111	3.37	0.25	8	420,000	
217	Đỗ Tấn Dũng	13/02/55		Tiến sỹ	15.111	2.88	05/1998		15.111	3.12	0.24	8	403,200	
218	Trịnh Đình Thâu	09/06/59		Tiến sỹ	15.111	2.88	12/1998		15.111	3.12	0.24	1	50,400	
219	Lê Minh Lư	27/04/61		Thạc sỹ	15.111	2.88	12/1998		15.111	3.12	0.24	1	50,400	
220	Phạm Thị Như Nghĩa		07/08/53	Đại học	15.111	2.88	10/1998		15.111	3.12	0.24	3	151,200	
221	Nguyễn Thị Nga		25/01/58	Đại học	15.111	2.88	10/1998		15.111	3.12	0.24	3	151,200	
222	Trần Hữu Cường	05/01/62		Thạc sỹ	15.111	2.64	10/1998		15.111	2.88	0.24	3	151,200	
223	Phan Xuân Hảo	13/02/64		Thạc sỹ	15.111	2.64	12/1998		15.111	2.88	0.24	1	50,400	
224	Hồ Thị Lam Trà		23/01/64	Tiến sỹ	15.111	2.64	11/1998		15.111	2.88	0.24	2	100,800	
225	Lê Thị Ngân		08/11/60	Thạc sỹ	15.111	2.64	10/1998		15.111	2.88	0.24	3	151,200	
226	Nguyễn Đăng Thiện	18/02/66		Đại học	15.111	2.40	07/1998		15.111	2.64	0.24	6	302,400	
227	Hồ Thị Thu Giang		30/10/67	Thạc sỹ	15.111	2.40	12/1998		15.111	2.64	0.24	1	50,400	
228	Nguyễn Thị Bích Ngọc		12/02/65	Đại học	15.111	2.40	07/1998		15.111	2.64	0.24	6	302,400	
229	Trần Thị Lan Hương		25/04/66	Thạc sỹ	15.111	2.40	12/1998		15.111	2.64	0.24	1	50,400	
230	Nguyễn Thị Minh Hiền		21/10/70	Thạc sỹ	15.111	2.16	04/1998		15.111	2.40	0.24	9	453,600	
231	Nguyễn Thị Bích Thủy		01/04/70	Thạc sỹ	15.111	2.16	12/1998		15.111	2.40	0.24	1	50,400	
232	Nguyễn Thị Liễu		14/05/58	T.Cấp	15.115	2.62	12/1999		15.115	2.75	0.13	1	27,300	

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9-5	11	12=10x11x 210000	13
233	Nguyễn Thị Xá		25/12/63	T.Cấp	15.115	2.36	12/1999		15.115	2.49	0.13	1	27,300	
234	Phan Thị Minh Nguyệt		20/08/51	T.Cấp	16.119	3.05	11/1999		16.119	3.18	0.13	2	54,600	
235	Bùi Thị Kim Ninh		25/11/59	T.Cấp	16.121	2.41	12/1999		16.121	2.53	0.12	1	25,200	
236	Nguyễn Văn Đoàn	10/06/56		CN-Sơ Cấp	16.122	2.49	09/1999		16.122	2.62	0.13	4	109,200	
	Tổng cộng					741.10				790.10	49.00		19,026,000	

Ngày...18... tháng...12... năm 200...1

XÉT DUYỆT CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Kí Bộ Trưởng : Bộ GD &ĐT



THỦ TRƯỞNG
Lê Thị Hùng

Ngày...23... tháng...11... năm 200...1

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I

(Ký tên, đóng dấu)



PGS.TS. *Nguyễn Văn Minh*